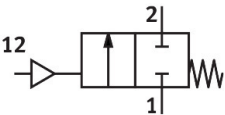


Van góc VZXF-L-M22C-M-B-G2-450-M1-V4V4T-80-5

Số bộ phận: 1002532



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Cấu trúc xây dựng	Van poppet với truyền động pít tông
Kiểu vận hành	khí nén
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Kết nối cáp	Khớp nối ren G2 theo DIN ISO 228
Chiều rộng định mức	45 mm
Chức năng van	2/2 đóng đơn ổn định
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Áp suất trung bình	0 MPA...0.5 MPA 0 bar...5 bar
Áp suất danh nghĩa phần ứng PN	40
Chức năng khí xả	không thể điều tiết
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Kiểu điều khiển	kiểm soát bên ngoài
Cổng nối khí nén	Ren trong G1/8
Áp suất vận hành	0.6 MPA...1 MPA 6 bar...10 bar 87 psi...145 psi
Môi chất	Hơi nước Dầu thủy lực gốc khoáng Khí trơ Dầu khoáng Nước lọc khí nén, cụm bộ lọc 200 µm chất lỏng trung tính
Hướng lưu lượng	Dưới đế van, dành cho môi trường khí và lỏng
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Độ nhớt tối đa	600 mm²/s
Nhiệt độ trung bình	-40 °C...200 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 °C...60 °C
Lưu lượng Kv	39 m³/h
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu vỏ van	Khuôn đúc bằng thép không gỉ
Số vật liệu vỏ van	1.4408
Vật liệu phốt trực	PTFE
Vật liệu đệm kín ghế	PTFE
trọng lượng sản phẩm	5400 g
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo Chỉ thị thiết bị áp suất của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo Quy định về thiết bị áp suất của Vương quốc Anh
Lớp chống ăn mòn KBK	3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Vật liệu của vỏ bộ truyền động	thép không gỉ hợp kim cao